



wèi r
味儿
noun · taste

Example Sentences

zhè ge cài wèi r hěn hǎo
这个菜味儿很好。

This dish tastes very good.

zhè píng jiǔ yǒu gǔ guǒ wèi r hěn tè bié
这瓶酒有股果味儿，很特别。

This bottle of wine has a fruity taste, very special.

Trace each character, then write the word on your own.

味	味	味	味	味	味	味	味	味	味	味
儿	儿	儿	儿	儿						